

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NP
TỈNH N**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2020/HNGĐ
Ngày: 14 – 9 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NP, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Chính và bà Lê Thị Hương.
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Trung – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NP. tham gia phiên toà: ông
Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh
Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST-
HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng
8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01
tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Quang T - Sinh năm: 1988; trú tại: thôn TĐ, xã
PH, huyện NP, tỉnh N. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Hán Thị D - Sinh năm: 1996; trú tại: thôn TĐ, xã PH, huyện
NP, tỉnh N– Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2020 và tại phiên tòa Nguyên đơn ông
Lưu Quang T trình bày:

Ông và bà D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân
xã Phước Hữu theo giấy chứng nhận kết hôn 85 ngày 14-5-2015 (giấy chứng
nhận kết hôn đã thất lạc). Trong thời kỳ hôn nhân ông và bà D có hai người con
chung là cháu Lưu Quang Anh T, sinh ngày 13-02-2015 và Lưu Quang Gia B,
sinh ngày 20-01-2017. Thời gian chung sống với nhau, ông với bà D thường
xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp
nhau nên thường xuyên cãi vã, có nhiều lời lẽ xúc phạm nhau, đã không còn
chung sống với nhau từ năm 2017 cho tới nay. Trong thời gian không sống
chung, cả hai không còn quan tâm tới nhau, mạnh ai người đó sống. Nay ông

xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở về chung sống với nhau được nên khởi kiện xin được ly hôn với bà D. Đối với các con hiện nay đang ở với bà D, ông đồng ý tiếp tục giao con cho bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này.

Bị đơn bà Hán Thị D đã được Tòa án thông báo về việc khởi kiện nhưng không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện gửi Tòa án, không có mặt theo giấy triệu tập Tòa án để lấy lời khai. Được thông báo phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, được thông báo về ngày, giờ mở phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng nên không ghi nhận được ý kiến trình bày về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện NP phát biểu về thủ tục tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên ông Lưu Quang T, cho ông T được ly hôn với bà D. Giao hai con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu. Buộc ông T phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định được ông T và bà D kết hôn tự nguyện, thời điểm kết hôn có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH theo giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 14-5-2015 nên hôn nhân giữa ông T và bà D là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Tình trạng hôn nhân: Lời trình bày của ông T về tình trạng hôn nhân phù hợp với biên bản xác minh ngày 22-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện NP (BL số 21) và phù hợp với lời khai của bà Thuận Thị H là mẹ ruột của bà Hán Thị D (BL số 23) nên có đủ cơ sở để xác định được: Trong thời gian chung sống từ năm 2015 đến năm 2017 ông T và bà D thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, từ năm 2017 cho đến đã không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm tới ai,

mạnh ai người đó sống. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục về chung sống với nhau. Bà D đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt theo giấy báo, giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến hàn gắn hôn nhân.

[4]. Từ sự phân tích trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông T yêu cầu ly hôn với bà D là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về con chung: ông T và bà D có hai con chung là cháu Lưu Quang Anh T, sinh ngày 13-02-2015 và Lưu Quang Gia B, sinh ngày 20-01-2017. Do không ghi nhận được ý kiến của bà D về việc nuôi con, nhưng có đủ cơ sở xác định được các con hiện đang ở cùng với bà. Ông T đồng ý tiếp tục giao con cho bà D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với lợi ích và sự phát triển của các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà D không có ý kiến về việc yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên trong vụ án này nên không xem xét. Trường hợp sau này bà D có yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6]. Về án phí: Ông Lưu Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Quang T và xử lý về án phí là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 217, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Quang T.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Lưu Quang T được ly hôn với anh bà Hán Thị D.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Lưu Quang Anh T, sinh ngày 13-02-2015 và Lưu Quang Gia B, sinh ngày 20-01-2017 cho bà Hán Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: ông Lưu Quang T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Tòa án ông T đã nộp theo biên lai tu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021122 ngày 16-01-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện NP.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện NP;
- Chi cục THADS huyện NP;
- UBND xã PH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Văn Tùng

Ông Tuấn trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Du có mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đã không còn

chung sống với nhau từ năm 2017, trong thời gian không chung sống không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.